

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

Ông Nguyễn Văn Bé

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân, kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS, ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh S; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N; anh, chị em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất là bị cáo; Vợ: Phạm T, sinh năm 1984; con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự: Không; tiền án: Không; Nhân thân: tốt; Bị cáo được tại ngoại từ đầu (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

Anh Triệu P, sinh năm 1990 (chết)

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Triệu P:

Ông Triệu Hoàng P, sinh năm 1970; (Có mặt)

Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1972; (Có mặt)

Cùng trú tại: Khóm 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951; (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp A, xã An T, huyện C, tỉnh S;

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Số 363/11/1, đường Bình T, phường B, quận Bình T, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 19/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn Đ điều khiển xe ô tô khách loại 16 chỗ, biển số 51B-014.90 lưu thông từ kho vật tư nông nghiệp của anh Q, thuộc khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh T ra Quốc lộ 60 thuộc khóm 3, thị trấn C, do bị cáo nhìn về bên trái, còn xe thì rẽ về bên phải, nên đã đụng vào anh Triệu P, sinh năm 1990, cư ngụ khóm 4, thị trấn C đang đi bộ cùng chiều phía trước cặp lề Quốc lộ hướng từ khóm 1 đi khóm 3, thị trấn C. Hậu quả: Triệu P bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực T và tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại kết luận giám định pháp y số: 258/KLGD (PY) ngày 24/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Nguyên nhân chính dẫn đến Triệu P tử vong là do vỡ gan mất máu cấp.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường thì đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường rộng 5,80m, mặt đường có rải nhựa, có chia thành 02 chiều xe chạy, tầm nhìn không bị che khuất, điểm mốc cố định là trụ điện số 08, lề phải được tính từ khóm 1 đến khóm 3, thị trấn C. Bánh trước xe ô tô bên trái nằm trên Quốc lộ 60, bánh xe trước bên phải và hai bánh sau nằm dưới lề lộ, nhìn theo hướng từ phía sau xe ra phía trước xe ô tô biển số 51B-014.90.

Tại biên bản xác định khu vực đụng thì tâm khu vực đụng nằm trên phần đường bên phải, hướng từ khóm 1 đến khóm 3, thị trấn C. Tâm khu vực đụng cách trụ điện số 08 là 21,50m, cách lề phải là 0,25m; cách đuôi vết phanh (1) của bánh xe ô tô trước bên trái là 2,58m; cách vị trí tâm bánh xe ô tô trước bên trái (2) là 2,10m; cách đầu nạn nhân (3) Triệu P 04m.

Theo báo cáo kết luận điều tra của Công an huyện Tiểu Cần xác định, nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông trên là do bị cáo Nguyễn Văn Đ điều khiển xe ô tô khách loại 16 chỗ, biển số 51B-014.90 chuyển hướng xe không chú ý quan sát, vi phạm khoản 2 Điều 15 của Luật giao thông đường bộ năm 2008.

Tại khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: “Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường

quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác”.

Qua làm việc với bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thừa nhận hành vi điều khiển xe ô tô khách biển số 51B-014.90 gây tai nạn làm Triệu P tử vong với lỗi như nêu trên. Bị hại Triệu P đi đúng phần đường quy định, nên Triệu P không có lỗi trong vụ tai nạn.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo và cha ruột là ông Nguyễn Văn H khắc phục hậu quả cho đại diện hợp pháp của bị hại là ông Triệu Hoàng P và bà Huỳnh Thị Ngọc H số tiền 160.000.000 đồng (trong đó chủ xe là bà Nguyễn Thị D hỗ trợ 30.000.000 đồng)

Vật chứng thu giữ gồm có: Một giấy phép lái xe số 920177631882 hạng D, mang tên Nguyễn Văn Đ; Một xe ô tô biển số 51B-014.90, số máy HFFA5C22982, số khung: XMCVF5C22982 do Nguyễn Thị D đứng tên chủ sở hữu hợp pháp, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 0040357, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5625855, nên ngày 19/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà D gồm:

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 5625855;
- 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 51B-014.90;
- 01 (một) giấy bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, số 0040357;
- 01 (một) xe ô tô biển số 51B-014.90, số máy HFFA5C22982, số khung: XMCVF5C22982.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS-TC ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình khắc phục xong hậu quả cho đại diện hợp pháp cho bị hại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có thân nhân Nguyễn Văn N là liệt sĩ, có nơi cư trú rõ ràng, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin bãi nại và đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý về vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (một) đến 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm đến 04 (bốn) năm.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 của bộ luật tố tụng hình sự trả cho bị cáo một giấy phép lái xe ô tô hạng D số 920177631882.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông P, bà H không yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần và bất cứ khoản nào khác.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà D chủ xe hỗ trợ tiền mai táng cho gia đình bị hại, bà D không yêu cầu bị cáo hoàn lại. Xe ô tô không bị hư hỏng, không có sửa chữa nên bà cũng không yêu cầu gì.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Triệu Hoàng P không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, riêng về hình phạt thì đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị D không có yêu cầu bị cáo hoàn lại số tiền 65.000.000 đồng và 30.000.000 đồng mà các ông, bà bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian được tại ngoại, bị cáo đã có sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; nhưng có lời khai rõ trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã nêu.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là đúng với các lời khai trước đây tại cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 19/9/2018, bị cáo Nguyễn Văn Đ điều khiển xe ô tô biển số 51B-014.90 do không chú ý quan sát nên đã đụng vào Triệu P, sinh năm 1990, cư ngụ khóm 4, thị trấn C, huyện T, tỉnh T đang đi bộ cùng chiều phía trước cặp Quốc lộ 60 từ khóm 1 về khóm 3, thị trấn C làm cho Triệu P tử vong trên đường đưa đi cấp cứu. Vì vậy, hành vi của Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; cho nên, bản cáo trạng số 05/CT-VKS-TC ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm đến tính mạng của con người, tác động xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông ở địa phương, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, làm nghề tài xế, nhưng khi điều khiển xe lại thiếu quan sát hai phía khi cho xe chuyển hướng, nên dẫn đến gây tai nạn cho Triệu P đi cùng chiều. Từ những cơ sở đó, cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra cho bị hại.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân bị cáo tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo cùng gia đình và chủ phương tiện đã khắc phục xong thiệt hại cho đại diện hợp pháp cho bị hại; gia đình người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa ông Triệu Hoàng P và bà Huỳnh Thị Ngọc H là cha mẹ ruột của bị hại Triệu P xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được về với gia đình; bị cáo là lao động chính phải nuôi vợ và 03 con còn nhỏ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên cần xem xét tạo điều kiện cho bị cáo có điều kiện để lao động nuôi gia đình, nên Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Không cần phải cách ly bị cáo Nguyễn Văn Đ ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do ông H, bà Ngay và bà D, cũng như đại diện hợp pháp của bị hại là ông P, bà H không yêu cầu bồi thường hay yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự, nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo giấy tờ như sau: 01 (một) giấy phép lái xe số 920177631882 hạng D, mang tên Nguyễn Văn Đ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/3/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã An T, huyện C, tỉnh S theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại ông Triệu Hoàng P, bà Huỳnh Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N thỏa thuận bồi thường xong và không có yêu cầu bồi thường bất cứ khoản nào khác, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Trả cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) giấy phép lái xe số 920177631882 hạng D theo biên bản tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 19/9/2018.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Công an huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh (phòng GDKT);
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long